

Bản án số: 38/2022/KDTM-ST

Ngày: 25-10-2022

V/v “Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ánh Phượng

Các Hội thẩm nhân dân: 1/- Ông Nguyễn Kiên Hiền

2/- Bà Nguyễn Thị Xuyên

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thuận – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Mộng Điệp - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 10 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 684/2021/TLST-KDTM ngày 09 tháng 12 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 50/2022/QĐXXST-KDTM ngày 05 tháng 9 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 121/2022/QĐST-KDTM ngày 30 tháng 9 năm 2022 và Thông báo đình chính số 1135/TB-TA ngày 04 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH X

Trụ sở: Lô N, Khu Công nghiệp M, thành phố C, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn: Ông Z, là người đại diện hợp pháp theo ủy quyền (Theo Giấy ủy quyền ngày 20/5/2022).

(Có mặt)

2. Bị đơn: Công ty TNHH Y

Trụ sở: Đường F, Phường S, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của Bị đơn: Bà A, là người đại diện hợp pháp theo ủy quyền. (Theo Giấy ủy quyền ngày 11/8/2022).

Địa chỉ: Đường T, khu phố U, phường Q, thành phố B, tỉnh Bình Dương.

(Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 18/6/2021, Đơn khởi kiện đề ngày 13/10/2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty TNHH X có ông Z là Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền trình bày:

Trong năm 2020, Công ty TNHH X (gọi tắt là “X Group”) đã ký kết với Công ty TNHH Y (gọi tắt là “Y”) các hợp đồng thương mại, theo đó Y đồng ý xác nhận bán cho X Group sản phẩm gừng tay y tế với số lượng, chất lượng và đơn giá theo thỏa thuận trong hợp đồng. Tuy nhiên phía Y đã vi phạm nghiêm trọng các điều khoản hợp đồng đã ký giữa hai bên. Quá trình thực hiện hợp đồng như sau:

I. HỢP ĐỒNG SỐ 01-10/2020/HĐMB KÝ NGÀY 11/11/2020

Giá trị hợp đồng: 10.000.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Mười tỷ đồng).

Điều kiện thanh toán: Cọc 3.000.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Ba tỷ đồng).

Phần còn lại thanh toán theo từng đợt giao hàng.

Điều khoản giao hàng: Giao đủ 100% tổng giá trị hàng vào ngày 21/11/2020.

Đối với Hợp đồng 01-10/2020/HĐMB ký ngày 11/11/2020, X Group đã thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán, tuy nhiên Y giao hàng không đủ số lượng như cam kết theo hợp đồng.

Nội Dung	Số tiền (VNĐ)	Ngày
Đặt cọc hợp đồng 01-10/2020/HĐMB ngày 11/11/2020	3.000.000.000	11/11/2020
Thanh toán hợp đồng 01-10/2020/HĐMB ngày 11/11/2020	2.000.000.000	26/11/2020
Thanh toán hợp đồng 01-10/2020/HĐMB ngày 11/11/2020	1.000.000.000	23/11/2020
Thanh toán hợp đồng 01-10/2020/HĐMB ngày 11/11/2020	1.300.000.000	30/11/2020
Thanh toán hợp đồng 01-10/2020/HĐMB ngày 11/11/2020 (chuyển USD 52.027, tỷ giá 23.065)	1.200.002.755	04/12/2020
Tổng tiền Y nợ X Group	8.500.002.755	
Tổng giá trị hàng Y đã giao	7.003.000.000	
Công nợ Hợp đồng 01-10/2020/HĐMB ngày 11/11/2020 là: 1.497.002.755 (Một tỷ, bốn trăm chín mươi bảy triệu, hai nghìn bảy trăm năm mươi lăm) đồng.		

II. HỢP ĐỒNG SỐ 02-10/2020/HĐMB KÝ NGÀY 17/11/2020

Giá trị hợp đồng: 4.673.750.000 VNĐ (Bốn tỷ, sáu trăm bảy mươi ba triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng).
Điều kiện thanh toán: Cọc 1.402.125.000 VNĐ (Một tỷ, bốn trăm lẻ hai triệu, một trăm hai mươi lăm nghìn đồng).
Phần còn lại thanh toán theo từng đợt giao hàng.
Điều khoản giao hàng: Giao đủ 100% tổng giá trị hàng trước ngày 30/11/2020

Đối với Hợp đồng 02-10/2020/HĐMB ký ngày 17/11/2020, đến thời hạn giao hàng là ngày 30/11/2020 phía Y đã không thực hiện việc giao hàng theo cam kết hợp đồng giữa hai bên. Để đảm bảo lịch xuất hàng và uy tín với khách hàng của X Group, X Group đã buộc phải đưa ra phương án ứng tiền mua hàng từ đơn vị cung cấp thứ 3 với giá cao để kịp tiến độ giao hàng. Tại văn phòng X Group, Y đã đồng ý với phương án xử lý của X Group và xác nhận sẽ chịu trách nhiệm thanh toán các chi phí phát sinh chênh lệch giá này bằng các văn bản ký ngày 10/12/2020 và 15/12/2020.

Nội Dung	Số tiền (VNĐ)	Ngày
Đặt cọc hợp đồng 02-10/2020/HĐMB ngày 17/11/2020	1.402.125.000	18/11/2020
Do Y giao hàng trễ nên X Group đã mua hàng bên thứ 3 để kịp xuất hàng cho khách hàng X Group. Biên bản xác nhận đồng ý thanh toán phần chênh lệch Y đã ký ngày 10/12/2020	541.175.000	10/12/2020
Do Y giao hàng trễ nên X Group đã mua hàng bên thứ 3 để kịp xuất hàng cho khách hàng X Group. Biên bản xác nhận đồng ý thanh toán phần chênh lệch Y đã ký ngày 15/12/2020	896.250.000	15/12/2020
Do Y giao hàng trễ nên X Group đã mua hàng bên thứ 3 để kịp xuất hàng cho khách hàng X Group. Biên bản xác nhận đồng ý thanh toán phần chênh lệch Y đã ký ngày 15/12/2020.	308.489.750	15/12/2020
Tổng số tiền Y xác nhận nợ X Group	3.148.039.750 (I)	15/12/2020
Hai bên đồng ý ký biên bản ngày 10/12/2020 chuyển 1 phần công nợ qua làm phần thanh toán cho Hợp đồng số 06-12/2020/HĐMB	1.943.300.000 (II)	10/12/2020
Hai bên đồng ý ký biên bản ngày 12/12/2020	1.204.739.750	15/12/2020

chuyển 1 phần công nợ qua làm phân thanh toán cho hợp đồng số 04-10/2020/HĐMB	(III)	
Công nợ Hợp đồng 02-10/2020/HĐMB ngày 17/11/2020: (I)–(II)-(III) = 0 VNĐ		

III. HỢP ĐỒNG SỐ 04-10/2020/HĐMB KÝ NGÀY 24/11/2020

Giá trị hợp đồng: 8.025.000.000 VNĐ (<i>Tám tỷ, không trăm hai mươi lăm triệu đồng</i>)
Điều kiện thanh toán: Cọc 4.012.500.000 VNĐ (<i>Bốn tỷ, không trăm mười hai triệu, năm trăm nghìn đồng</i>)
Phần còn lại thanh toán theo từng đợt giao hàng của Y
Điều khoản giao hàng: Giao đủ 100% tổng giá trị hàng vào ngày 02/12/2020

Đến ngày giao hàng là ngày 02/12/2020 phía Y báo không có hàng để giao vì lý do hàng về trễ, yêu cầu X Group chờ đến khi hàng về và cho đến nay là ngày 24/12/2020, phía Y vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ hợp đồng, đại diện Y là ông M liên tục hứa hẹn sẽ cố gắng giao hàng cho X Group.

Nội Dung	Số tiền (VNĐ)	Ngày
Thanh toán theo Hợp đồng 04-10/2020/HĐMB	2.500.000.000	27/11/2020
Thanh toán theo Hợp đồng 04-10/2020/HĐMB	1.513.930.000	30/11/2020
Cần trừ Hợp đồng số 02-10/2020/HĐMB	1.204.739.750	
Công nợ Hợp đồng 04-10/2020/HĐMB ngày 24/11/2020 là 5.218.669.750 VNĐ (1) (<i>Bằng chữ: Năm tỷ, hai trăm mười tám triệu, sáu trăm sáu mươi chín nghìn, bảy trăm năm mươi đồng</i>)		

IV. HỢP ĐỒNG SỐ 05-11/2020/HĐMB KÝ NGÀY 19/11/2020

Giá trị hợp đồng: 2.300.000.000 VNĐ (<i>Hai tỷ, ba trăm triệu đồng</i>)
Điều kiện thanh toán: Cọc 1.610.000.000 VNĐ (<i>Một tỷ, sáu trăm mười triệu đồng</i>)
Phần còn lại thanh toán theo từng đợt giao hàng của Y
Điều khoản giao hàng: Giao đủ 100% tổng giá trị hàng vào ngày 25/11/2020

Đến thời hạn giao hàng là ngày 25/11/2020, Y tiếp tục không thực hiện việc giao hàng theo cam kết hợp đồng giữa hai bên. Chính hành vi vi phạm hợp đồng của Y, X Group đã phải ứng tiền mua hàng từ đơn vị cung cấp thứ 3 với giá cao để kịp tiến độ giao hàng cho khách hàng của X Group, chi phí chênh

lệch Y đồng ý chịu trách nhiệm thanh toán. Căn cứ vào biên bản thỏa thuận ký ngày 30/11/2020, hai bên đã xác nhận chuyển công nợ Hợp đồng số 05-11/2020/HĐMB ngày 19/11/2020 qua Hợp đồng số 01-10/2020/HĐMB, sau khi ký kết biên bản này hợp đồng số 05-11/2020/HĐMB xem như tự động thanh lý.

Như vậy tổng nợ của Hợp đồng số 01-10/2020/HĐMB:

1.497.002.755 VNĐ + 663.590.000 VNĐ = 2.160.592.755 VNĐ

(Hai tỷ, một trăm sáu mươi triệu, năm trăm chín mươi hai nghìn, bảy trăm năm mươi lăm đồng).

Nội Dung	Số tiền (VNĐ)	Ngày
Đặt cọc Hợp đồng 05-11/2020/HĐMB ngày 19/11/2020	1.610.000.000	24/11/2020
Do Y giao hàng trễ nên X Group đã mua hàng bên thứ 3 để kịp xuất hàng cho khách hàng X Group. Biên bản xác nhận đồng ý thanh toán phần chênh lệch Y đã ký ngày 30/11/2020	1.353.590.000	30/11/2020
Tổng công nợ Hợp đồng 05-11/2020/HĐMB	2.963.590.000	
Tổng giá trị hợp đồng đã ký và giao hàng	2.300.000.000	
Tổng công nợ Y phải thanh toán: Biên bản ký ngày 30/11/2020, xác nhận chuyển công nợ này qua Hợp đồng số 01-10/2020/HĐMB	663.590.000	
TỔNG CÔNG NỢ HỢP ĐỒNG 05-11/2020	0	30/11/2020

V. HỢP ĐỒNG SỐ 06-12/2020/HĐMB KÝ NGÀY 07/12/2020

Giá trị hợp đồng: 8.025.000.000 VNĐ <i>(Tám tỷ, không trăm hai mươi lăm triệu đồng)</i>
Điều kiện thanh toán: Cọc 2.407.500.000 VNĐ <i>(Hai tỷ, bốn trăm lẻ bảy triệu, năm trăm nghìn đồng)</i>
Phần còn lại thanh toán theo từng đợt giao hàng của Y
Điều khoản giao hàng: Giao đủ 100% tổng giá trị hàng vào ngày 10/12/2020

Vì lý do Y không thực hiện giao hàng, X Group đã phải ứng tiền mua hàng từ đơn vị cung cấp thứ 3 với giá cao để kịp tiến độ giao hàng cho khách hàng của X Group. Tại văn phòng X Group, Y đã xác nhận các chi phí phát sinh chênh lệch giá này bằng các văn bản ký ngày 28/12/2020.

Căn cứ vào Biên bản thỏa thuận ký ngày 10/12/2020, Y và X Group xác nhận chuyển công nợ Hợp đồng số 01-10/2020/HĐMB qua thành tiền thanh toán cho Hợp đồng số 06-12/2020/HĐMB.

Nội dung đã thực hiện và được ký biên bản xác nhận giữa X Group và Y	Số tiền (VNĐ)	Ngày
Cán trừ Hợp đồng số 01-10/2020/HĐMB	2.160.592.755	
Do Y không giao hàng nên bên X Group đã mua hàng của bên thứ 3 kịp lịch xuất hàng cho khách hàng X Group (chi phí chênh lệch mua 750 thùng Nitrile). Biên bản xác nhận đồng ý thanh toán phần chênh lệch hai bên đã đồng ý và ký	781.125.000	25/12/2020
Cán trừ Hợp đồng số 02-10/2020/HĐMB	1.943.300.000	
Do Y giao hàng trễ nên X Group đã mua hàng bên thứ 3 để kịp xuất hàng cho khách hàng X Group. Biên bản xác nhận đồng ý thanh toán phần chênh lệch Y đã ký ngày 28/12/2020	2.520.150.000	
Công nợ Hợp đồng 06-12/2020/HĐMB ngày 07/12/2020: 7.405.167.755 VNĐ (2) (Bảy tỷ, bốn trăm lẻ năm triệu, một trăm sáu mươi bảy nghìn, bảy trăm năm mươi lăm đồng)		

Tính đến ngày 23/4/2020, phía Y còn nợ số hàng tương đương với tiền mặt: (1) + (2) = 12.623.837.505 (Mười hai tỷ, sáu trăm hai mươi ba triệu, tám trăm ba mươi bảy nghìn, năm trăm lẻ năm) đồng.

Vì tin tưởng cam kết và mong muốn sự hợp tác lâu dài giữa các bên, đại diện hai bên công ty tiếp tục có buổi làm việc vào ngày 15/01/2021, lúc này Y đưa ra cam kết sẽ giao 01 đợt hàng cho X Group vào ngày 17/01/2021, giao đủ 2.000 thùng hàng từ Thái Lan vào ngày 22/01/2021; Phía Y đã ký cam kết trong thỏa thuận sẽ chịu toàn bộ trách nhiệm nếu không thực hiện đúng như biên bản đã ký.

Tuy nhiên hiện Y vẫn không thực hiện theo cam kết hợp đồng và các biên bản thỏa thuận đã ký kết giữa hai bên, công nợ còn lại mà Y vẫn chưa hoàn trả không phải là con số nhỏ, điều này dẫn đến việc X Group phải chịu thiệt hại nặng nề khi phải chi trả số tiền lớn phạt vi phạm hợp đồng và bồi thường cho các đối tác trong nước và quốc tế, ảnh hưởng không tốt đến uy tín của X Group trên thị trường.

Vì vậy, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn X Group, Nguyên đơn yêu cầu Tòa buộc Bị đơn Y phải hoàn trả số tiền 12.623.837.505

(Mười hai tỷ, sáu trăm hai mươi ba triệu, tám trăm ba mươi bảy nghìn, năm trăm lẻ năm) đồng.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn Công ty TNHH X có ông Z là Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền trình bày: Phía Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với Bị đơn, đề nghị Tòa buộc bị đơn Công ty TNHH Y phải hoàn trả một lần số tiền 12.623.837.505 (Mười hai tỷ, sáu trăm hai mươi ba triệu, tám trăm ba mươi bảy nghìn, năm trăm lẻ năm) đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Nguyên đơn không yêu cầu Bị đơn phải trả lãi, không yêu cầu phạt chậm trả theo các Hợp đồng đã ký kết.

- Bị đơn Công ty TNHH Y có bà A là Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền trình bày: Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn về việc buộc Bị đơn phải trả số tiền 12.623.837.505 (Mười hai tỷ, sáu trăm hai mươi ba triệu, tám trăm ba mươi bảy nghìn, năm trăm lẻ năm) đồng, vì Bị đơn không đồng ý số tiền chênh lệch mua hàng giữa X Group với Bên thứ ba với số tiền 4.583.015.000 (Bốn tỷ, năm trăm tám mươi ba triệu, không trăm mười lăm nghìn) đồng và Bị đơn xác nhận chỉ còn nợ Nguyên đơn số tiền 8.040.822.505 (Tám tỷ, không trăm bốn mươi triệu, tám trăm hai mươi hai nghìn, năm trăm lẻ năm) đồng. Mặt khác, vào ngày 15/3/2021, Bị đơn có giao cho Nguyên đơn 75 thùng Nitrile full size có tổng giá trị 171.000.000 (Một trăm bảy mươi một triệu) đồng nên số tiền Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn phải trả là không có cơ sở, đề nghị Nguyên đơn cung cấp các hợp đồng, hóa đơn chứng từ chứng minh Nguyên đơn mua hàng từ Bên thứ ba.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết, thu thập chứng cứ và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Về nội dung giải quyết vụ án, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH X là có cơ sở để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp:

Nguyên đơn Công ty TNHH X khởi kiện bị đơn Công ty TNHH Y phải thực hiện nghĩa vụ hoàn trả số tiền 12.623.837.505 (Mười hai tỷ, sáu trăm hai mươi ba triệu, tám trăm ba mươi bảy nghìn, năm trăm lẻ năm) đồng theo Hợp đồng 01-10/2020/HĐMB ngày 11/11/2020, Hợp đồng số 02-10/2020/HĐMB ngày 17/11/2020, Hợp đồng số 04-10/2020/HĐMB ngày 24/11/2020, Hợp đồng số 05-11/2020/HĐMB ngày 19/11/2020, Hợp đồng số 06-12/2020/HĐMB ngày 07/12/2020, nên đây là vụ án “Tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa” được quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2.]. Về thẩm quyền:

Theo Công văn số 3161/ĐKKD-T6 ngày 06/6/2022 về việc cung cấp thông tin doanh nghiệp của Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc– Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện: Công ty TNHH Y có trụ sở chính tại Đường F, Phường S, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. Do Bị đơn có trụ sở tại Quận 3 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn:

Vào ngày 11/11/2020, giữa **Nguyên đơn và Bị đơn** có ký kết Hợp đồng mua bán số 01-10/2020/HĐMB NV-XG với tổng giá trị hợp đồng là 10.000.000.000 (*Mười tỷ*) đồng.

Vào ngày 17/11/2020, giữa **Nguyên đơn và Bị đơn** ký kết tiếp Hợp đồng mua bán số 02-10/2020/HĐMB với tổng giá trị hợp đồng là 4.673.750.000 (*Bốn tỷ, sáu trăm bảy mươi ba triệu, bảy trăm năm mươi nghìn*) đồng.

Vào ngày 19/11/2020, giữa **Nguyên đơn và Bị đơn** ký kết tiếp Hợp đồng mua bán số 05-11/2020/HĐMB với tổng giá trị hợp đồng là 2.300.000.000 (*Hai tỷ, ba trăm triệu*) đồng.

Vào ngày 24/11/2020, giữa **Nguyên đơn và Bị đơn** ký kết tiếp Hợp đồng mua bán số 04-11/2020/HĐMB với tổng giá trị hợp đồng là 8.025.000.000 (*Tám tỷ, không trăm hai mươi lăm triệu*) đồng.

Vào ngày 30/11/2020, giữa Nguyên đơn và Bị đơn đã ký Biên bản làm việc và xác nhận công nợ số 30/11BB/2020 có nội dung: “Hai bên xác nhận số lượng hàng Y còn phải giao cho X Group là 5.917 thùng găng tay Latex có bột. Số tiền X Group còn phải trả cho Y khi giao đủ số lượng trên là 2.036.410.000 (*Hai tỷ, không trăm ba mươi sáu triệu, bốn trăm mười nghìn*) đồng.”

Vào ngày 07/12/2020, giữa **Nguyên đơn và Bị đơn** ký kết tiếp Hợp đồng mua bán số 06-12/2020/HĐMB với tổng giá trị hợp đồng là 8.025.000.000 (*Tám tỷ, không trăm hai mươi lăm triệu*) đồng.

Vào ngày 09/12/2020, giữa **Nguyên đơn và Bị đơn** ký kết Phụ lục Hợp đồng mua bán số PL01-06-12/2020/HĐMB với nội dung điều chỉnh “số lượng tăng thêm là 10 tấn găng tay nitrile, tương đương với 2.500 thùng (250 thùng/tấn). Tổng số lượng là 7.500 thùng găng tay nitrile màu xanh, tương đương 30 tấn (250 thùng/tấn). Tổng giá trị hợp đồng đã bao gồm VAT là 12.037.500.000 (*Mười hai tỷ, không trăm ba mươi bảy triệu, năm trăm nghìn*) đồng.” Phụ lục hợp đồng này là một phần không thể tách rời của Hợp đồng số 06-12/2020/HĐMB ký ngày 07/12/2020.

Ngày 10/12/2020, giữa Nguyên đơn và Bị đơn đã ký Biên bản làm việc và xác nhận công nợ có nội dung: “Hai bên xác nhận Y sẽ xuất hóa đơn đủ số lượng là 7.003 thùng latex có bột hàng đã giao cho X Group; thanh lý Hợp đồng số 02-10/2020/HĐMB ký ngày 17/11/2020. Ngay sau khi hoàn tất xuất đủ hóa

đơn trên thì coi như Hợp đồng số 01-10/2020/HĐMB NV-XG ký ngày 11/11/2020 cũng được thanh lý; Số tiền cần trừ 4.103.892.755 (*Bốn tỷ, một trăm lẻ ba triệu, tám trăm chín mươi hai nghìn, bảy trăm năm mươi lăm*) đồng được chuyển thành tiền đặt cọc của Hợp đồng số 06-12/2020/HĐMB ký ngày 07/12/2020.

Tại Biên bản làm việc số 18/BBNV-HĐ-01/2021 ngày 19/01/2021, Nguyên đơn và Bị đơn cùng xác nhận:

“1. Bị đơn sẽ giao 800 thùng Nitrile (thương hiệu Jurgen-B) vào ngày 24/01/2021 (kèm theo Giấy ủy quyền phân phối độc quyền).

2. Theo kế hoạch giao hàng: Nguyên đơn sẽ giao 01 container cho khách hàng tương đương 3.300 thùng Nitrile.

Trường hợp 1: Từ ngày 24/01/2021 đến ngày 31/01/2021, Bị đơn chỉ giao được 800 thùng Nitrile thì số tiền chênh lệch mà Bị đơn phải trả cho Nguyên đơn là:

$2.500 \text{ thùng} \times (\text{đơn giá mua của Bên thứ ba là } 2.556.000 \text{ đồng} - \text{đơn giá mua của Bị đơn là } 1.605.000 \text{ đồng}) = 2.377.500.000 \text{ đồng}.$

Trường hợp 2: Nếu từ ngày 24/01/2021 đến 31/01/2021, Bị đơn không có hàng để giao cho Nguyên đơn thì số tiền chênh lệch mà Bị đơn phải trả cho Nguyên đơn là:

$3.300 \text{ thùng} \times (\text{đơn giá mua của Bên thứ ba là } 2.556.000 \text{ đồng} - \text{đơn giá mua của Bị đơn là } 1.605.000 \text{ đồng}) = 3.138.300.000 \text{ đồng}.$

Trường hợp Bị đơn không cung cấp đủ hàng trong 02 trường hợp nêu trên thì Bị đơn buộc chịu phạt số tiền chênh lệch trên.

3. Theo kế hoạch giao hàng của Bị đơn gửi ngày 19/01/2021 thì:

Ngày 24/01/2021, giao 800.000 thùng găng tay Nitrile;

Ngày 19/02/2021, giao 3.100 thùng găng tay Nitrile;

Ngày 19/3/2021, giao 6.100 thùng găng tay Nitrile;

Tổng cộng: 10.000 thùng găng tay Nitrile.

Bị đơn cam kết sẽ giao hàng theo đúng tiến độ như kế hoạch ngày 19/01/2021 gửi cho Nguyên đơn.

4. Trường hợp Bị đơn thực hiện sai cam kết tiến độ giao hàng ngày 19/01/2021 thì Bị đơn sẽ chịu phạt bồi thường tiền chênh lệch cho Nguyên đơn.

5. ...

6. ...

7. Hết thời hạn giao hàng như Bị đơn đề xuất vào ngày 19/01/2021, yêu cầu Bị đơn thanh toán số tiền trong các văn bản xác nhận công nợ và các khoản phạt, bồi thường thiệt hại theo hợp đồng.

8. Văn bản này là một phần không thể tách rời Biên bản làm việc và xác nhận công nợ số 28/BBLV-HĐ 0406-12/2020 ký ngày 28/12/2021 mà bên Bị đơn đã xác nhận.”

Do Bị đơn không thực hiện theo thỏa thuận nên Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn phải hoàn trả lại số tiền 12.623.837.505 (*Mười hai tỷ, sáu trăm hai mươi ba triệu, tám trăm ba mươi bảy nghìn, năm trăm lẻ năm*) đồng, là có cơ sở.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Bị đơn bà A mới có mặt (mặc dù đã được Bị đơn ủy quyền để tham gia tố tụng ở giai đoạn Tòa án chuẩn bị xét xử) trình bày ý kiến và cho rằng Bị đơn chỉ còn nợ Nguyên đơn số tiền 8.040.822.505 (*Tám tỷ, không trăm bốn mươi triệu, tám trăm hai mươi hai nghìn, năm trăm lẻ năm*) đồng, Bị đơn không đồng ý số tiền chênh lệch mua hàng của Nguyên đơn với bên thứ ba với số tiền 4.583.015.000 (*Bốn tỷ, năm trăm tám mươi ba triệu, không trăm mười lăm nghìn*) đồng và yêu cầu Nguyên đơn cung cấp các hợp đồng, hóa đơn, tài liệu chứng cứ để chứng minh số tiền chênh lệch do mua hàng với Bên thứ ba. Sau đó, đại diện Bị đơn còn cho rằng vào ngày 15/3/2021, Bị đơn có giao 75 thùng hàng Nitrile full size cho Nguyên đơn trị giá 171.000.000 (*Một trăm bảy mươi một triệu*) đồng. Tuy nhiên, đại diện Bị đơn cũng xác nhận là đơn hàng này không có xuất hóa đơn giá trị gia tăng VAT và cũng không có tài liệu chứng cứ gì để chứng minh cho việc Bị đơn chỉ còn nợ số tiền 8.040.822.505 (*Tám tỷ, không trăm bốn mươi triệu, tám trăm hai mươi hai nghìn, năm trăm lẻ năm*) đồng.

Do đó, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, buộc Bị đơn phải thanh toán làm một lần cho Nguyên đơn số tiền 12.623.837.505 (*Mười hai tỷ, sáu trăm hai mươi ba triệu, tám trăm ba mươi bảy nghìn, năm trăm lẻ năm*) đồng ngay khi bản án của Tòa có hiệu lực pháp luật. Ghi nhận việc Nguyên đơn không yêu cầu Bị đơn phải trả lãi, không yêu cầu phạt chậm trả theo các Hợp đồng đã ký kết.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu của Nguyên đơn được chấp nhận nên Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 266, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 24, Điều 306 Luật Thương mại năm 2005;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo);

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Công ty TNHH X:

Buộc Công ty TNHH Y phải trả làm một lần cho Công ty TNHH X số tiền 12.623.837.505 (*Mười hai tỷ, sáu trăm hai mươi ba triệu, tám trăm ba mươi bảy nghìn, năm trăm lẻ năm*) đồng ngay khi bản án của Tòa có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Công ty TNHH X có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty TNHH Y chậm thi hành án số tiền nêu trên thì hàng tháng Công ty TNHH Y còn phải chịu tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

2/. Về án phí dân sự sơ thẩm: Công ty TNHH Y phải chịu 120.623.838 (*Một trăm hai mươi triệu, sáu trăm hai mươi ba nghìn, tám trăm ba mươi tám*) đồng.

Trả lại cho Công ty TNHH X số tiền 60.311.919 (*Sáu mươi triệu, ba trăm mười một nghìn, chín trăm mười chín*) đồng là tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0006734 ngày 07/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND Quận 3;
- Chi cục THADS Quận 3;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Ánh Phụng